TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/DS-PT
Ngày: 12/8/2019
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Phượng**

Các Thẩm phán: Bà **Bùi Thị Nghĩa**

Ông **Nguyễn Hồng Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Vi** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2019/QĐ-PT ngày 05/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐ-PT ngày 30/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Quỹ tín dụng nhân dân VT**

Địa chỉ: Thôn TT, xã VT, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lưu Thị Ngọc T – Sinh năm 1963; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân VT. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1957; trú tại: Thôn TT 2, xã VT, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Đào Thị M,** sinh năm 1963; trú tại: Thôn TT 2, xã VT, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn, ông Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 19/7/2012 giữa Quỹ tín dụng nhân dân VT và ông Nguyễn Văn C có ký kết hợp đồng tín dụng số: AT1.401.0246.112. Theo nội dung hợp đồng thì ông Nguyễn Văn C đã vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân VT số tiền là 170.000.000 đồng; thời hạn vay 18 tháng, kể từ ngày 19/07/2012 đến ngày 19/01/2014, có gia hạn đến ngày 19/01/2015.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên: Vào ngày 11/7/2012, ông Nguyễn Văn C và bà Đào Thị M đã thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AB 413155 số vào sổ H00529 do UBND thành phố N cấp ngày 21/02/2005 mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Đào Thị M để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn của ông Nguyễn Văn C theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10/12/HĐTC ngày 11/07/2012. Quỹ tín dụng đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính). Trong quá trình vay vốn, đến thời hạn trả nợ (ngày 20/02/2015) ông C chỉ trả được một phần lãi. Từ ngày 20/02/2014 ông C không thanh toán khoản nợ cho Quỹ tín dụng nên Quỹ tín dụng đã chuyển toàn bộ số nợ sang quá hạn. Nay Quỹ tín dụng nhân dân VT kiện ông Nguyễn Văn C để đòi số tiền nợ gốc là 167.000.000 đồng và lãi 172.082.800 đồng, tính đến ngày 23/01/2019 tổng cộng là 339.082.800 đồng và yêu cầu ông Nguyễn Văn C phải trả hết một lần số tiền trên.

Khi ông Nguyễn Văn C trả hết số tiền nêu trên cho Quỹ tín dụng nhân dân VT thì quỹ tín dụng sẽ trả lại cho ông Nguyễn Văn C và bà Đào Thị M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND thành phố N cấp số phát hành AB 413155 số vào sổ H00529 do UBND thành phố N cấp ngày 21/02/2005 mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Đào Thị M (bản chính).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức tín dụng số 17/2017/QH11 ngày 20/11/2017 của Quốc hội; áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 72, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân VT. Buộc ông Nguyễn Văn C phải thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân VT số tiền

nợ là 339.082.800 đồng *(ba trăm ba mươi chín triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, tám trăm đồng)*, trong đó: Nợ gốc: 167.000.000 đồng; nợ lãi: 172.082.800 đồng; đồng thời, ông Nguyễn Văn C còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 24/01/2019 cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: AT1.401.0246.112 ngày 19/7/2012 được ký kết giữa hai bên.

Trường hợp ông Nguyễn Văn C thanh toán xong các khoản tiền nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân VT thì Quỹ tín dụng nhân dân VT phải trả lại ông Nguyễn Văn C và bà Đào Thị M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 21/02/2005 mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Đào Thị M (bản chính).

Ông Nguyễn Văn C phải chịu 16.954.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo.

Ngày 16/4/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn C giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục dân sự phúc thẩm đã đảm bảo đúng quy định tại các Điều 277, Điều 283, Điều 285; Điều 292 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận;

Về phần kháng cáo án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo miễn, giảm án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn C vì hoàn cảnh gia đình khó khăn và ông là người cao tuổi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể:

Nguyên đơn, đại diện Quỹ tín dụng nhân dân VT (viết tắt là Quỹ tín dụng) yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn C phải trả cho Quỹ tín dụng số tiền nợ gốc đã vay theo hợp đồng là 167.000.000 đồng; riêng về khoản nợ lãi, Quý tín dụng chỉ yêu cầu ông C trả số tiền 95.000.000 đồng. Tổng cộng là 262.000.000 đồng; đồng thời ông C phải trả số tiền này cho Quỹ tín dụng nhân dân VT chậm nhất vào ngày 31/8/2019.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị M đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân VT.

Xét thấy: Sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2.2] Tại phiên tòa, bị đơn kháng cáo xin miễn; giảm án phí.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Hiện tại, hoàn cảnh gia đình ông rất khó khăn, bản thân ông đã quá tuổi lao động, không có việc làm, thu nhập không ổn định, nhà và đất ở đã bị thu hồi để thực hiện dự án của Nhà nước. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên ông phải chịu số tiền án phí là 16.954.000 đồng, gia đình ông không có khả năng để nộp số tiền án phí này, nên đề nghị Tòa xem xét miễn, giảm án phí cho ông.

Xét thấy: Việc bị đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn như trên đã được UBND xã VT (nơi bị đơn ông C cư trú, sinh sống) xác nhận ngày 05/8/2019. Mặt khác, ông Nguyễn Văn C sinh năm 1957 nên theo Luật người cao tuổi ông C là người cao tuổi và theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí thì trường hợp của ông C đủ điều kiện được miễn án phí. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Người kháng cáo ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 72, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C; sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự;

1. Bị đơn ông Nguyễn Văn C phải trả cho nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân VT tổng số tiền nợ là: 262.000.000 *(Hai trăm sáu mươi hai triệu đồng),* trong đó: Nợ gốc: 167.000.000 đồng *(Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng);* nợ lãi: 95.000.000 đồng *(Chín mươi lăm triệu đồng)* theo hợp đồng tín dụng số: AT1.401.0246.112 ngày 19/7/2012 được ký kết giữa hai bên.

2. Thời hạn trả khoản tiền nêu trên chậm nhất vào ngày 31/8/2019.

3. Trường hợp ông Nguyễn Văn C thanh toán xong các khoản tiền nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân VT thì Quỹ tín dụng nhân dân VT phải trả lại ông Nguyễn Văn C và bà Đào Thị M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AB 413155, số vào sổ H00529 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 21/02/2005 cho ông Nguyễn Văn C và bà Đào Thị M (bản chính).

4. Quy định chung: Kể từ ngày Quỹ tín dụng nhân dân VT có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Văn C chưa thi hành các khoản tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí.

5.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn C (ông C không phải chịu số tiền 16.954.000 đồng).

Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân VT số tiền tạm ứng án phí là 7.953.000 đồng *(Bảy triệu chín trăm năm mươi ba ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2016/0009508 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh KH;
- TAND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Lê Thúy Phượng